

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 20/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27211342914	Bùi Trường An	01/06/2003	Quảng Trị	31CSC1	7.3	4.3	Không Đạt	
2	28204951038	Lê Hà Kiều Anh	28/05/2004	Ninh Bình	31CSC7	9.3	6.5	Đạt	
3	28212302694	Nguyễn Tấn Anh	11/02/2004	Bình Định	31CSC8	9.7	8.3	Đạt	
4	28208101888	Nguyễn Thị Vân Anh	30/11/2003	Đắk Lắk	31TBN13	7.3	3.8	Không Đạt	
5	28208053167	Phan Thị Minh Ánh	21/04/2004	Đắk Lắk	31TBN13	6.7	3.8	Không Đạt	
6	28204402691	Bùi Thị Kiều Diễm	12/04/2004	Quảng Nam	31CSC8	7.3	3.8	Không Đạt	
7	28204946263	Nguyễn Thị Điệp	03/04/2004	Quảng Trị	31CSC7	7.0	4.0	Không Đạt	
8	28212335420	Bùi Văn Đức	13/02/2004	Nghệ An	31CSC7	8.0	6.8	Đạt	
9	29213123500	Lê Minh Duy	20/01/2005	Quảng Ngãi	31CSC8	7.3	3.8	Không Đạt	
10	28204953013	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	04/06/2004	Gia Lai	31CSC7	8.7	6.5	Đạt	
11	28204322931	Nguyễn Phan Thị Trà Giang	23/11/2004	Đắk Lắk	31TBN13	H	H	Không Đạt	
12	28212349651	Nguyễn Đức Hải	19/03/2004	Gia Lai	31CSC7	9.0	7.0	Đạt	
13	27213753351	Trịnh Ngọc Hải	18/01/2003	Quảng Nam	30THT16	7.0	5.0	Đạt	
14	29204661599	Văn Khánh Hân	19/11/2005	Phú Yên	31CSC8	8.3	5.5	Đạt	
15	28204604790	Phan Thị Ngọc Hằng	05/04/2004	Hà Tĩnh	31TBN13	5.0	3.5	Không Đạt	
16	28204605739	Trần Thu Hằng	03/01/2004	Kon Tum	31CYC6	9.0	5.8	Đạt	
17	28204639013	Trương Thị Thanh Hằng	01/02/2004	Quảng Nam	31TBN13	8.0	5.0	Đạt	
18	28214600749	Trương Văn Hiên	17/01/2004	Quảng Nam	31TBN13	6.3	5.0	Đạt	
19	28204951257	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	10/07/2004	Khánh Hòa	31TBN13	7.0	3.0	Không Đạt	
20	28204636066	Võ Thu Hiền	09/02/2004	Đà Nẵng	31CBN8	8.0	6.3	Đạt	
21	27211734039	Lê Trung Hiếu	02/07/2003	Thanh Hóa	31CYC5	0.0	5.0	Không Đạt	
22	28212349722	Nguyễn Chí Hiếu	23/06/1999	Bình Định	31CSC8	8.0	8.3	Đạt	
23	28217431670	Phan Thanh Hiếu	30/06/2004	Đà Nẵng	31CSC7	10.0	9.0	Đạt	
24	25211604950	Hàn Sỹ Hình	10/12/2001	Quảng Nam	31CBN6	10.0	6.5	Đạt	
25	28205149987	Nguyễn Thị Thanh Hoài	04/11/2004	Đắk Lắk	31TBN13	5.3	5.0	Đạt	
26	29219323285	Nguyễn Huy Hoàng	01/10/2005	Quảng Trị	31TBN13	9.7	5.5	Đạt	
27	27218728304	Phan Văn Hoàng	12/03/2003	Đắk Lắk	31CSC8	10.0	7.0	Đạt	
28	29206520018	Đỗ Thị Hương Hoanh	30/06/2005	Quảng Ngãi	31THT9	7.3	5.0	Đạt	
29	28208240368	Hồ Thị Thu Hương	27/12/2004	Quảng Nam	31CSC7	8.7	5.5	Đạt	
30	28204625678	Huỳnh Thị Mỹ Hương	09/11/2004	Đà Nẵng	31CSC7	8.7	7.3	Đạt	
31	28218150818	Nguyễn Gia Huy	30/06/2004	Quảng Nam	31TBN13	6.7	4.3	Không Đạt	
32	28212304135	Nguyễn Văn Huy	16/08/2004	Đà Nẵng	31CSC7	6.3	4.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29205241164	Phan Mạnh Kim	Huyền	18/11/2005	Kon Tum	31TYC10	6.3	5.0	Đạt	
34	27211344135	Võ Hữu	Khánh	12/06/2002	Quảng Nam	31TSC3	5.3	5.5	Đạt	
35	27212233480	Trần Công	Khoa	23/09/2003	Quảng Nam	31CSC7	7.3	6.8	Đạt	
36	28208105513	Nguyễn Thị Phương	Lan	10/08/2004	Quảng Nam	31TBN13	9.3	5.0	Đạt	
37	28218131517	Nguyễn Hoàng	Lân	14/05/2004	Đà Nẵng	31TBN13	H	H	Không Đạt	
38	28204606136	Lê Thị Quỳnh	Liên	11/09/2004	Hà Tĩnh	31TBN9	7.0	5.0	Đạt	
39	28204650659	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/07/2004	Đà Nẵng	31TBN13	8.3	4.4	Không Đạt	
40	28204352376	Phạm Thị Thảo	Linh	16/02/2004	Đắk Lắk	31TBN4	6.7	5.0	Đạt	
41	28213454072	Trần Tấn	Linh	02/07/2004	Quảng Ngãi	31TSC10	6.7	4.5	Không Đạt	
42	28204303333	Nguyễn Thị Dịu	Ly	01/01/2004	Huế	31TBN13	5.7	5.0	Đạt	
43	28205153649	Nguyễn Thị	Lý	27/12/2004	Lâm Đồng	31CSC7	7.3	8.8	Đạt	
44	28204306393	Phan Thị Tuyết	Mai	13/11/2004	Quảng Bình	31CSC8	9.3	9.5	Đạt	
45	29214659015	Hà Công	Minh	06/01/2005	Gia Lai	31TBN13	0.0	0.0	Không Đạt	
46	29206221348	H Phon	Mlô	20/01/2004	Đắk Lắk	31TBN13	10.0	4.0	Không Đạt	
47	28207102728	Lê Trần Huyền	My	01/01/2004	Đắk Nông	31TBN13	5.3	3.8	Không Đạt	
48	29206254332	Trần Thị Trà	My	01/05/2005	Kon Tum	31TBN13	8.3	4.4	Không Đạt	
49	28207105121	Nguyễn Thị Thanh	Nga	21/01/2004	Bình Định	31TBN13	8.7	4.0	Không Đạt	
50	28206549097	Trịnh Thị Thúy	Nga	20/07/2004	Đắk Lắk	31SBN5	9.0	6.5	Đạt	
51	28204606674	Trần Kỳ Khánh	Ngân	22/09/2004	Bình Định	31CSC8	7.0	5.3	Đạt	
52	28204605843	Trần Thị Mỹ	Ngọc	06/10/2004	Huế	31CYC6	8.7	6.0	Đạt	
53	28206653492	Trần Thị Mỹ	Nguyên	08/12/2004	Bình Định	31CSC7	10.0	7.5	Đạt	
54	28214603395	Lê Ích	Nhân	03/08/2004	Huế	31TBN13	5.0	2.5	Không Đạt	
55	25217104193	Trần Kim	Nhân	10/10/2001	Đà Nẵng	30CYC2	8.0	6.0	Đạt	
56	28218143216	Phạm Đình	Nhật	01/04/2004	Quảng Nam	31TBN13	H	H	Không Đạt	
57	28204303353	Lê Nguyễn Phương	Nhi	27/09/2004	Thanh Hóa	31CSC8	8.7	5.5	Đạt	
58	28208239594	Nguyễn Thị Bích	Nhi	24/12/2004	Đà Nẵng	30SHT3	6.0	4.5	Không Đạt	
59	28204603963	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	17/05/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.3	7.0	Đạt	
60	28206602070	Trần Nguyễn Bảo	Nhi	22/05/2004	Lâm Đồng	31CSC8	8.7	5.0	Đạt	
61	28204653533	Nguyễn Thị Phi	Nhung	25/09/2004	Quảng Nam	30CSC8	5.3	6.5	Đạt	
62	28208105827	Văn Thị Kim	Nhung	14/09/2004	Quảng Nam	31TBN13	7.0	6.0	Đạt	
63	28204902443	Lê Thị Thúy	Oanh	27/06/2004	Đắk Lắk	31CSC7	4.7	5.3	Không Đạt	
64	28208101682	Dương Thị Hồng	Phấn	10/03/2004	Bình Định	31TBN13	7.0	4.3	Không Đạt	
65	28214505828	Mai Thành	Phát	17/08/2004	Quảng Nam	31TBN13	3.7	4.3	Không Đạt	
66	28214331860	Đinh Văn Tấn	Phúc	17/09/2004	Đà Nẵng	31CSC7	7.7	5.5	Đạt	
67	29205059841	Lê Hoài Anh	Phương	23/11/2005	Gia Lai	31CSC7	7.7	7.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28205128372	Nguyễn Hà	Phuong	08/03/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.7	9.5	Đạt	
69	27206628703	Vũ Thị Minh	Phuong	12/06/2003	Nam Định	31THT3	6.7	5.5	Đạt	
70	28214600560	Lê Đình Minh	Quân	05/11/2004	Huế	31CSC8	7.7	9.0	Đạt	
71	28212701395	Phan Văn	Quân	22/05/2004	Đà Nẵng	31TBN10	7.7	5.0	Đạt	
72	28214336780	Lê Phước Ngọc	Qui	05/03/2003	Quảng Nam	31CSC8	9.3	5.8	Đạt	
73	28208002645	Võ Thị Lệ	Quyên	10/08/2004	Quảng Nam	31TBN13	5.0	1.8	Không Đạt	
74	29212322912	Nguyễn Văn	Quyên	24/04/2005	Quảng Ngãi	31CSC8	7.0	5.0	Đạt	
75	28204900508	Trần Hoài	Sương	20/05/2004	Quảng Bình	31TBN13	8.7	3.5	Không Đạt	
76	28214741629	Trần Thiện	Tâm	20/09/2004	Quảng Nam	31THT4	7.0	4.0	Không Đạt	
77	28204602490	Đinh Thị Thu	Thảo	22/08/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.3	8.8	Đạt	
78	28206606140	Nguyễn Thạch	Thảo	24/05/2001	Hà Nội	31CSC7	9.7	8.8	Đạt	
79	28208001901	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/02/2004	Quảng Nam	31TBN8	8.7	7.3	Đạt	
80	28204100320	Trương Anh	Thư	19/09/2004	Quảng Nam	31CSC8	9.7	9.5	Đạt	
81	28207103645	Nguyễn Phan Hiền	Thục	15/11/2004	Quảng Trị	31TBN13	6.3	1.0	Không Đạt	
82	27205139314	Hoàng Thị Thương	Thương	10/10/2003	Hà Tĩnh	31TSC1	8.7	6.0	Đạt	
83	27207142032	Lê Thương	Thương	12/07/2003	Quảng Ngãi	31THT3	5.7	3.5	Không Đạt	
84	28204746366	Ngô Thị	Thương	21/05/2004	Đà Nẵng	31TBN3	5.7	5.0	Đạt	
85	28204305083	Nguyễn Thị Kiều	Thương	23/03/2004	Đà Nẵng	31CSC8	8.7	6.3	Đạt	
86	28208147015	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	30/11/2004	Quảng Nam	31TBN13	H	H	Không Đạt	
87	28202702251	Trần Thị Hồng	Thúy	18/12/2003	Đắk Lắk	31THT11	8.3	5.0	Đạt	
88	28208100383	Trương Thị Thanh	Thúy	29/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN13	8.7	5.3	Đạt	
89	28208127286	Trương Thị Thanh	Thúy	14/02/2004	Đà Nẵng	31CSC7	9.0	6.8	Đạt	
90	28204904540	Tôn Nữ Thị Thùy	Trâm	27/06/2004	Đà Nẵng	31CSC8	7.7	5.3	Đạt	
91	28208154662	Đinh Thị Thùy	Trang	02/08/2004	Đà Nẵng	31TBN13	H	H	Không Đạt	
92	28204904979	Võ Thị Thùy	Trang	14/03/2004	Quảng Nam	31CSC8	6.7	8.0	Đạt	
93	27217038969	Đỗ Phan Phú	Trị	23/09/2003	Quảng Nam	29CSC3	8.3	5.8	Đạt	
94	28204406130	Đặng Thị Mỹ	Trình	24/09/2004	Quảng Nam	31CSC8	10.0	6.0	Đạt	
95	29206248194	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	21/09/2005	Quảng Nam	31CSC7	8.3	9.5	Đạt	
96	28214353395	Văn Đức	Trọng	08/10/2004	Đà Nẵng	31CSC8	6.0	5.5	Đạt	
97	28202741911	Hồ Ngọc Thùy	Trúc	24/11/2004	Quảng Nam	31CSC8	7.3	5.5	Đạt	
98	29206731814	Thái Thị Thanh	Trúc	21/10/2005	Quảng Trị	31CSC7	9.3	6.3	Đạt	
99	27211301915	Nguyễn Văn	Trường	24/01/2003	Đà Nẵng	31THT10	6.3	5.3	Đạt	
100	28208106250	Võ Ngọc Cẩm	Tú	12/10/2004	Đà Nẵng	31CSC8	9.7	5.0	Đạt	
101	28206206038	Hà Thị Ánh	Tuyết	03/05/2004	Quảng Nam	31CSC8	9.7	8.5	Đạt	
102	28209301244	Huỳnh Nhã	Uyên	02/06/2004	Đắk Lắk	31SBN5	8.7	5.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28211304550	Lê Nhân	Vũ	09/10/2004	Quảng Trị	31CSC8	8.0	5.3	Đạt	
104	28204828768	Đỗ Nguyễn Thảo	Vy	12/11/2004	Đà Nẵng	31CSC8	10.0	9.3	Đạt	
105	28204904900	Hồng	Vy	20/07/2004	Đắk Lắk	31CSC8	9.7	9.5	Đạt	
106	27202241855	Nguyễn Tổng Tường	Vy	28/11/2003	Quảng Nam	30CBN3	7.7	5.0	Đạt	
107	0396304831	Bùi Thị	Yên	04/03/2007	Đà Nẵng	31TBN13	8.0	5.0	Đạt	
108	28204453151	Trần Tinh	Yên	11/11/2004	Hồ Chí Minh	31CSC8	9.3	8.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh